

Số: 413/KH-TCTCNTP

Đồng Nai, ngày 30 tháng 09 năm 2016

CHIẾN LƯỢC

Sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 2016-2025

Thực hiện Văn bản số 1978/SKHĐT-KTN ngày 25/7/2016 về việc tiếp tục triển khai xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 và chiến lược sản xuất kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo yêu cầu điều chỉnh tại nội dung cuộc họp tại Sở kế hoạch và Đầu tư ngày 13/9/2016 về xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 5 năm 2016-2020 và Chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai 2016-2025.

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai xây dựng một số nội dung chiến lược giai đoạn 2016-2025 theo yêu cầu như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 09/05/2005, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 97/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án thành lập Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được hình thành trên cơ sở tổ chức lại hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thuộc lá Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai – hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và có các Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 29/06/2005, Quyết định số 2424/ QĐ-UBND ngày 07/07/2005; Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 07/07/2005 về việc chuyển giao các doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh Đồng Nai và chuyển giao quyền chủ sở hữu vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp cho Tổng công ty.

Tại thời điểm thành lập, Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và 21 đơn vị thành viên. Đến năm 2016, Tổng công ty có 26 đơn vị thành viên gồm Công ty mẹ, 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 03 công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà

nước, 09 công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50% và 10 công ty liên doanh, liên kết vốn Nhà nước dưới 50%.

Tính đến nay, Tổng công ty đã trải qua quá trình 10 năm hình thành và phát triển. Tuy nhiên, nếu tính từ đơn vị tiền thân của Tổng công ty là Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Nai thì Tổng công ty – Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Nai đã trải qua quá trình 30 năm hình thành và phát triển. Quá trình đó có thể phân chia thành các cột mốc với các tên gọi sau:

- Thành lập với tên gọi Xí nghiệp Thuốc lá Đồng Nai (được thành lập theo Quyết định số 147/QĐUBT ngày 20/02/1985 của UBND tỉnh Đồng Nai), chính thức đi vào hoạt động từ 01/10/1985. Đây là đơn vị hạch toán nội bộ trực thuộc sự quản lý của Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

- Ngày 11/10/1991, Xí nghiệp Thuốc lá Đồng Nai được đổi tên thành Nhà máy Thuốc lá Đồng Nai theo Quyết định số 427/QĐUBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Đổi tên thành Công ty Thuốc lá Đồng Nai trực thuộc tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 308/QĐ.UBT ngày 05/3/1993.

- Thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tháng 2/2004, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Nai.

- Năm 2005: Thành lập Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Đồng Nai và một số doanh nghiệp trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

- Năm 2010 đến nay: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai chuyển sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là Tổng công ty đầu tiên của tỉnh được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Ra đời trên nền tảng vững mạnh của Công ty mẹ với ngành nghề kinh doanh chính là thuốc lá kết hợp cùng các đơn vị thành viên hoạt động đa ngành nghề từ kinh doanh thương mại, dịch vụ đến khai thác khoáng sản... đã tạo thuận lợi cho Tổng công ty vượt qua các khó khăn, thách thức và phát triển thành tổ hợp kinh tế - tài chính lớn mạnh của tỉnh Đồng Nai.

2. Thông tin chung về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Tên gọi: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

- Tên Tiếng Anh: Dong Nai Food Industrial Corporation

- Tên viết tắt: DOFICO

- Địa chỉ: Số 833A, Xa lộ Hà Nội, KP1, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: (061) 3836110

- Fax: (061) 3836132

- Email: admin@dofico.com.vn

- Website: www.dofico.com.vn

- Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 15/01/2016): **4.500.000.000.000 đồng** (Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng). Hiện Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã trình văn bản đề nghị điều chỉnh Vốn điều lệ còn **3.500.000.000.000 đồng** (Ba nghìn năm trăm tỷ đồng), Sở Tài Chính hiện đã có biên bản cuộc họp ngày 15/9/2016 về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Tổng công ty.

- Các văn bản liên quan đến Quy chế hoạt động đã được công khai đến năm 2016:

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU	NGÀY THÁNG BAN HÀNH
1	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2065/QĐ-UBND	04/7/2016
2	Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2387/QĐ-UBND	28/7/2016
3	Quy chế quản lý tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên và người đại diện của Tổng công ty	114/QĐ-HĐTV	18/04/2014
4	Quy chế quản lý nợ của Tổng công ty (Công ty TNHH MTV mô hình công ty mẹ - công ty con)	132/QĐ- HĐTV	29/04/2014
5	Quy chế về chế độ công tác phí và định mức chi phí	170A/QĐ-TCTCNTP	01/07/2011
6	Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	226/QĐ-HĐTV	31/12/2010
7	Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	3066/QĐ-UBND	25/09/2013

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU	NGÀY THÁNG BAN HÀNH
8	Quy chế Tiền lương - Thu nhập	640/QC - TCTCNTP	31/12/2011
9	Quy chế Thi đua khen thưởng của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ)	471/QĐ-TCTCNTP	21/12/2013
10	Quy chế hoạt động sáng kiến - cải tiến của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc)	99/QĐ-TCTCNTP	28/07/2009
11	Quy chế quản lý và cung cấp thông tin tại trang thông tin điện tử trên Internet của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	106/QĐ-TCTCNTP	21/08/2009
12	Quy chế quản lý và khai thác mạng thông tin của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	190/QĐ-TCTCNTP	20/11/2010
13	Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ)	334/QC-TCTCNTP	05/07/2011
14	Quy chế hoạt động của Đại diện vốn Tổng công ty tại các công ty thành viên	10/QĐ-HĐTV	23/01/2008
15	Quy chế hoạt động của Đại diện vốn Tổng công ty tại các công ty thành viên (thay thế cho Quy chế số 10/QĐ-HĐQT ngày 23/01/2008)	413/QĐ-HĐTV	18/8/2016
16	Quy chế hoạt động của Hội đồng Thành viên Tổng công ty (thay thế cho Quy chế số 226/QĐ-HĐTV, ban hành ngày 31/12/2006)	414/QĐ-HĐTV	18/8/2016
17	Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên	415/QĐ-HĐTV	18/8/2016

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG GIAI ĐOẠN 2006-2015

Quá trình 10 năm hình thành và phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai có thể khái quát thành 02 giai đoạn: giai đoạn 2006-2010

và giai đoạn 2011-2015. Với ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ là thuốc lá - một ngành hàng đặc thù, Tổng công ty đã trải qua nhiều khó khăn và thách thức trước những diễn biến phức tạp của thị trường.

1. Giai đoạn 1 (2006-2010)

a) Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu của Tổ hợp Tổng công ty

- Tổng doanh thu 5 năm (2006-2010) đạt 28.495 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 14,8%. Doanh thu năm 2010 đạt 7.291 tỷ đồng, tăng 1,72 lần so với năm 2006.

- Tổng lãi phát sinh trước thuế 5 năm (2006-2010) đạt 1.898 tỷ đồng, bình quân lợi nhuận đạt 379 tỷ đồng/năm. Lãi phát sinh trước thuế năm 2010 đạt 638 tỷ đồng tăng 3,4 lần so với năm 2006.

- Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước 5 năm (2006-2010) đạt 4.686 tỷ đồng, tốc độ tăng hàng năm đạt 17,59%.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn giai đoạn 2006-2010 đạt bình quân 20%/năm.

b) Kết quả thực hiện các dự án đầu tư giai đoạn 2006-2010

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, trong giai đoạn 2006-2010, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã triển khai thực hiện nhiều dự án đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị, xây dựng các nhà xưởng, kho hàng... với tổng mức đầu tư đạt 579,58 tỷ đồng (riêng giá trị đầu tư của Công ty mẹ đạt 253,42 tỷ đồng). Trong đó, những dự án quan trọng như:

- Dự án đầu tư dàn máy vắn điều, đóng bao thuốc lá công suất 420 bao/phút, giá trị đầu tư: 71,92 tỷ đồng;

- Xây mới Cụm kho chứa nguyên liệu tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 2 với tổng giá trị đầu tư: 12,76 tỷ đồng;

- Mua, đầu tư sửa chữa khu vực Văn phòng Ban Quản lý các dự án và cụm kho, với giá trị: 14 tỷ đồng;

- Xây dựng hệ thống nước thải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, giá trị: 2,77 tỷ đồng...

Đồng thời, Tổng công ty đã khẩn trương xúc tiến thủ tục đầu tư Dự án Khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai, Khu du lịch và dân cư Bửu Long, Khu đô thị Tam Phước.

2. Giai đoạn 2 (2011-2015):

a) Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu của Tổ hợp Tổng công ty (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng	Bình quân
Doanh thu thuần (không bao gồm thuế TTĐB)	8.174	7.838	7.458	7.416	8.086	38.972	7.794,4
Lợi nhuận TT	599,6	581,1	533,0	620,4	1.361	3.695,1	739,0
Tỷ suất LN/VNN	22,63%	22,26%	20,93%	22,62%	32,38%		24,16%
Phát sinh NNS	1.418	1.527	1.769	1.780	2.033	8.527	1.705,4

b) Kết quả thực hiện các dự án đầu tư giai đoạn 2011-2015

Trong giai đoạn 2011-2015, Tổng công ty và các đơn vị thành viên tiếp tục triển khai thực hiện nhiều dự án đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị, xây dựng các nhà xưởng, kho hàng... với tổng mức đầu tư đạt hơn 1.000 tỷ đồng. Trong đó, những dự án tiêu biểu như:

- *Dự án Khu Liên hợp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)*, giá trị đầu tư: 632,5 tỷ đồng.

- Về bồi thường giải phóng mặt bằng:

- + Tổng diện tích đã bồi thường, hỗ trợ 867,4ha (chiếm 44,89% diện tích quy hoạch) với tổng chi phí đã ứng trước cho Nhà nước để thu hồi đất là 90,3 tỷ đồng.

- + Hoàn tất việc thuê đất với Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền 1 lần 743,6ha tạm tính 92,3 tỷ đồng.

- + Tiếp tục thực hiện việc giải phóng mặt bằng theo hình thức tự thỏa thuận.

- Về đầu tư hạ tầng:

- + Phân khu 3A: xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, mương thoát nước. tổng chi phí đã thực hiện là 66,4 tỷ đồng, các hạng mục xử lý môi trường và công trình điện sẽ phối hợp triển khai với các nhà đầu tư thứ cấp.

- + Các phân khu khác, đang hoàn tất các thủ tục về đầu tư và giải phóng mặt bằng

- Về thu hút đầu tư:

- + Phân khu 3A (chăn nuôi), tỷ lệ cho thuê lại đất là 100%, gồm: Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai và Công ty TNHH đầu tư phát triển Nông nghiệp Vineco.

+ Phân khu 3B, 3C và 3D (trồng trọt và chế biến), đang triển khai hợp tác với các nhà đầu tư trong nước như Tập đoàn Vingroup để tổ chức sản xuất nông nghiệp tập trung và nhà đầu tư nước ngoài như Công ty TNHH Globle Farm của Hàn Quốc để sản xuất chuối xuất khẩu.

• *Dự án Khu Du lịch và dân cư Bửu Long*, giá trị đầu tư: 413,8 tỷ đồng.

- Về hồ sơ quy hoạch và dự án:

+ Dự án khu dân cư đã được UBND tỉnh điều chỉnh sang chủ đầu tư khác là Công ty cổ phần kinh doanh nhà Đồng Nai (Công văn số 5001/UBND-ĐT ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai).

+ Hiện tại, Tổng công ty đang xúc tiến việc điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch và dân cư Bửu Long tại thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi triển khai dự án.

- Các công việc khác có liên quan:

+ Trong năm 2015 và đầu năm 2016, Tổng công ty đã chỉ đạo Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long tập trung đầu tư nhiều hạng mục công trình trên diện tích đất Khu du lịch Bửu Long hiện hữu với tổng vốn đầu tư khoảng 20 tỷ đồng, qua đó đã tạo sự đổi mới, lượng khách đến Bửu Long trong 6 tháng đầu năm 2016 đã có sự gia tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ 2015.

+ Phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để rà soát và lập phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó thống kê và phân loại số lượng hộ dân tái định cư.

+ Hoàn tất các thủ tục có liên quan về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu du lịch Bửu Long hiện hữu diện tích khoảng 45,228ha.

+ Đã hoàn tất việc bồi thường cho Trung tâm sát hạch lái xe Đồng Nai với số tiền 24.711.898.000đồng.

3. Đánh giá chung

Những bước đi đầu tiên của Tổ hợp tổng công ty nằm trong giai đoạn đất nước vừa trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Thời cơ rộng mở nhưng cũng không ít khó khăn, thử thách trong tổ chức điều hành của ngày đầu thành lập. Công ty mẹ tại thời điểm đó là doanh nghiệp sản xuất thuốc lá phục vụ chủ yếu cho thị trường nội địa và bước đầu tập tễnh trên thị trường xuất khẩu. Các đơn vị thành viên mới gia nhập tổ hợp cũng đang trong giai đoạn khởi đầu với những khó khăn nhất định. Với sự đoàn kết và hợp tác, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, “đầu tàu” Công ty mẹ và toàn Tổ hợp đã đạt được những kết quả rất khả quan, trở thành Tổ hợp kinh tế tài chính vững mạnh của tỉnh. Giai đoạn 2013-2015, biến động lớn trong thị trường thuốc lá phần nào gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

nghiệp, Công ty mẹ và toàn Tổ hợp vẫn phấn đấu hoàn thành kế hoạch được giao. Thị trường xuất khẩu thuốc lá ngày một được quan tâm và chú trọng khi thị trường nội địa có khả năng phục hồi rất chậm. Sản phẩm của các đơn vị thành viên trong lĩnh vực nông nghiệp (Công ty cổ phần chăn nuôi Phú Sơn...), công nghiệp (Công ty cổ phần Bao bì Biên Hoà, Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Biên Hoà, Công ty cổ phần Lothamilk...) đã gây dựng được uy tín và thị phần nhất định trên thị trường.

III. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1. Các yếu tố tác động của môi trường bên ngoài

a) Về kinh tế

- Dựa theo phân tích của Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia, sự phục hồi của các nền kinh tế lớn trên thế giới trong năm 2015 sẽ tạo đà cho nền kinh tế tăng trưởng trong giai đoạn 2016-2020 và trở về sau của các lĩnh vực kinh tế chủ yếu như thương mại, đầu tư. Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng ở mức trên 4% khi sang giai đoạn 2016-2018. Nền kinh tế Việt Nam tất nhiên không thể tránh khỏi những tác động từ các yếu tố khách quan. Tuy nhiên, mức độ phát triển còn phụ thuộc vào các chính sách chủ động trong nước, chất lượng nguồn lực, sự phát triển của khoa học công nghệ... Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, tăng trưởng GDP giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 6,5-7,1%, còn đến năm 2021-2025 thì tăng trưởng GDP có thể nhích lên mức 7-7,6%..

- Từ năm 2015 trở đi, Việt Nam đã là thành viên chính thức của ASEAN, APEC, ASEM và WTO. Việc hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu mối quan hệ thương mại với các nước, các tổ chức là một cơ hội để đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển và đây cũng là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, quá trình hội nhập này cũng đồng thời làm tăng tính cạnh tranh và sự đào thải trong nền kinh tế khi Nhà nước cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan, loại bỏ trợ cấp, mở cửa thị trường cho các doanh nghiệp nước ngoài đẩy mạnh đầu tư.

- Khi kinh tế được dự báo phục hồi và tăng trưởng nhưng ở mức chưa cao, thuốc lá không phải là mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống, nguy cơ giảm mạnh thị phần tiêu thụ trong tương lai là việc được dự đoán trước. Xuất khẩu thuốc lá ngày càng được mở rộng về quy mô và kim ngạch. Các doanh nghiệp thuốc lá nội địa đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, chủ động hợp tác với các đối tác, bạn hàng quốc tế để tăng dần sản lượng và kim ngạch xuất khẩu. Trong những năm qua, thị trường xuất khẩu thuốc lá chủ yếu của Công ty mẹ là khu vực Trung Đông và một số nước Đông Nam Á, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh nhà. Tuy nhiên, sản phẩm của Công

ty vẫn còn ở bước đầu thâm nhập nên hiệu quả kinh tế không cao. Hợp tác sản xuất với các đối tác chưa được kế hoạch lâu dài.

- Lĩnh vực nông nghiệp: trong 6 tháng đầu năm 2016, nhiều vấn đề phát sinh về môi trường, thời tiết khiến tăng trưởng nông nghiệp cả nước đang ở mức âm. Nông nghiệp vẫn chưa thật sự phát triển bền vững: khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm nông sản chưa cao, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, chưa hình thành có hiệu quả chuỗi giá trị nông sản. Bên cạnh đó, đa số mặt hàng nông sản tại Việt Nam chưa đạt được độ đồng đều về chất lượng, gây khó khăn cho việc xâm nhập thị trường thế giới. Điều kiện ứng dụng kỹ thuật cao trong nông nghiệp còn hạn chế nên hoạt động sản xuất đa phần đều phụ thuộc vào thời tiết. Chăn nuôi thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ dịch bệnh. Giai đoạn 2015-2020, khi đất nước hội nhập sâu và rộng hơn với thế giới, hàng hoá nông sản từ các quốc gia có thế mạnh về nông nghiệp được dự báo sẽ du nhập vào nước ta với tỉ lệ lớn, tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt với mặt hàng nông nghiệp nội địa.

- Lĩnh vực thương mại và dịch vụ nói chung bao gồm những lĩnh vực hết sức nhạy cảm và có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế. Sau khi gia nhập WTO, các loại hình dịch vụ tư nhân ngày một phát triển nhanh chóng về số lượng và cả chất lượng. Khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh luôn có tính linh động cao, dễ thay đổi phù hợp với nhu cầu thị trường và dần dần chiếm ưu thế hơn so với khu vực quốc doanh.

b) Các yếu tố xã hội, chính sách pháp luật

- Trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc lá, các yếu tố về chính sách và xã hội đã và đang tác động rất lớn đến ngành hàng này:

+ Năm 2004, Việt Nam đã tham gia Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) với cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống tác hại thuốc lá hiệu quả để bảo vệ các thể hệ hiện tại và tương lai khỏi các tổn thất do sử dụng thuốc lá. Theo báo cáo của Chương trình Phòng chống tác hại của thuốc lá (Bộ Y tế), sau 10 năm thực hiện, tỷ lệ hút thuốc lá đã giảm đáng kể, nhận thức của người dân về tác hại thuốc lá được nâng cao (95% người trưởng thành tin rằng thuốc lá gây bệnh tật và 87% người trưởng thành tin rằng người hút thuốc thụ động cũng mắc các bệnh giống như người hút thuốc). Hành vi hút thuốc lá không còn là hành vi phổ biến được chấp nhận như trước. Đồng thời, từ năm 2015, các mô hình không khói thuốc tại cơ sở y tế, giáo dục, nơi làm việc, phương tiện giao thông công cộng... đã được nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước tích cực nhân rộng. Đồng thời, để hỗ trợ cho hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá, Bộ Y tế đã xây dựng nhiều tài liệu hướng dẫn tổ chức tư vấn cai nghiện thuốc lá tại bệnh viện.

+ Theo Hiệp hội Thuốc lá VN, mỗi năm, lượng thuốc lá nhập lậu bình quân khoảng 800 triệu bao, Nhà nước thất thu ngân sách từ 4.000-4.200 tỉ đồng/năm (khoảng 400 triệu USD). Ngoài ra, thuốc lá lậu cũng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá điều trong nước mỗi năm khoảng 300 tỉ đồng.

+ Từ ngày 01/01/2016, thuế Tiêu thụ đặc biệt của mặt hàng thuốc lá tăng từ 65% lên mức 70%; tiếp đó từ ngày 01/01/2019, mức thuế sẽ tiếp tục tăng từ 70% lên 75%. Giá bán thuốc lá tăng đồng nghĩa với lượng tiêu thụ giảm do điều kiện kinh tế. Bên cạnh đó, việc in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh chiếm 50% diện tích vỏ bao thuốc lá theo quy định đã làm giảm đáng kể nhu cầu hút thuốc, đặc biệt là giới trẻ.

- Từ ngày 01/01/2016, thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp giảm còn 20%, tạo điều kiện cạnh tranh công bằng cho các doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài nước.

2. Các yếu tố tác động của môi trường bên trong doanh nghiệp

- Tính chất đặc trưng của mô hình công ty mẹ - công ty con đã tạo cho tổ hợp thể và lực để phát triển, nhất là về tài chính, khoa học công nghệ và yếu tố liên kết hỗ trợ nhau trong sản xuất kinh doanh giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên và giữa các đơn vị thành viên với nhau khi có cơ chế quản lý và điều hành thích hợp.

- Thương hiệu mặt hàng của Công ty mẹ đã gây dựng được uy tín trên thị trường và có lợi thế cạnh tranh nhất định. Thế mạnh này cần được chăm lo cùng cố hơn trong tương lai, khi thị trường kinh doanh ngày một trở nên khốc liệt và mang tính đào thải cao.

- Năng lực quản lý điều hành của một số doanh nghiệp thành viên chưa đủ mạnh, hoạt động không hiệu quả. Các đơn vị phụ thuộc đa phần chưa có chiến lược phát triển cụ thể. Công ty mẹ trong điều kiện này phải thực hiện vai trò hỗ trợ, điều tiết thông qua công cụ tài chính, việc này phần nào làm giảm đi hiệu quả của Công ty mẹ nói chung.

- Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ được chú trọng ngay cả trong sản xuất và điều hành. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất thuốc lá thường xuyên được nâng cấp, đầu tư mới nhằm nâng cao hiệu suất; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Các phần mềm về quản lý từng bước được ứng dụng hiệu quả trong quản trị tài chính cùng các hoạt động điều hành khác; tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên tại Công ty mẹ luôn được phân bổ hợp lý và có sự chuyển giao đồng bộ giữa các thế hệ. Lớp cán bộ trẻ được chú trọng đào tạo về cả chuyên môn và đạo đức; được khuyến khích phát huy năng lực, sáng

tạo; đảm bảo hình thành đội ngũ kế thừa xứng đáng. Chế độ của người lao động luôn được thi hành đúng quy định của pháp luật, tạo môi trường thuận lợi để người lao động yên tâm công tác.

IV. CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2025

1. Mục tiêu tổng quát

- Trong giai đoạn 10 năm hình thành và phát triển, Công ty mẹ luôn nắm giữ vai trò là đầu tàu của toàn tổ hợp. Do đó, yếu tố then chốt để xây dựng Tổng công ty vững mạnh và có ý nghĩa đích thực là phải đẩy mạnh sự phát triển của Công ty mẹ đủ sức làm nòng cốt cho toàn tổ hợp đi đôi với phát huy sức mạnh tổng hợp mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong cơ cấu Tổng công ty. Song song với việc phát huy vai trò quản lý điều hành của Công ty mẹ với các đơn vị thành viên bằng cơ chế hành chính, hoạt động hỗ trợ và phát triển trong sản xuất kinh doanh nội bộ của toàn tổ hợp phải luôn được chú trọng trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của các doanh nghiệp thành viên.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, cộng thêm sự biến động đã được dự báo trước trong ngành sản xuất kinh doanh chính tại Công ty mẹ (thuốc lá); việc sắp xếp và định hướng cho các đơn vị phụ thuộc trong giai đoạn này là hết sức quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng thích nghi với thị trường ro nhưng vẫn đảm bảo tập trung phát triển ngành nghề thuộc nhóm công nghiệp thực phẩm. Bên cạnh việc ổn định thị phần thuốc lá; phát triển kinh doanh-liên kết với các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả; đồng thời có phương án hỗ trợ cho các đơn vị phụ thuộc có tiềm năng phát triển sẽ góp phần đẩy mạnh hiệu quả của Công ty mẹ trong tương lai.

- Khi thị phần thuốc lá nội địa ngày càng thu hẹp, công tác nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác xuất khẩu càng phải được đẩy mạnh hơn nữa. Việc đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường nước ngoài với sản phẩm xuất khẩu đòi hỏi sự chuẩn bị cẩn thận trong tiềm lực về con người lẫn kỹ thuật công nghệ.

- Căn cứ vào thế mạnh và tiềm năng sẵn có cùng với nhu cầu thị trường, các định hướng phát triển trong tương lai của Công ty mẹ nói riêng và toàn Tổ hợp phải theo tiêu chí phát triển bền vững. Bên cạnh việc nâng cao khả năng sản xuất kinh doanh, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất; trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng phải luôn được duy trì và phát huy. Phát triển sản xuất đi đôi với cải thiện đời sống người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

2.1 Giai đoạn 2016-2020

a) Kế hoạch các chỉ tiêu của Tổ hợp Tổng công ty

- Doanh thu (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

	Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng bình quân 2016-2020
Tổng doanh thu	6.407	6.063	4.232	4.360	4.267	-6,7%
<i>Trong đó:</i> <i>Doanh thu từ sản xuất kinh doanh</i>	6.236	5.392	4.142	3.987	4.267	-6,3%

- Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

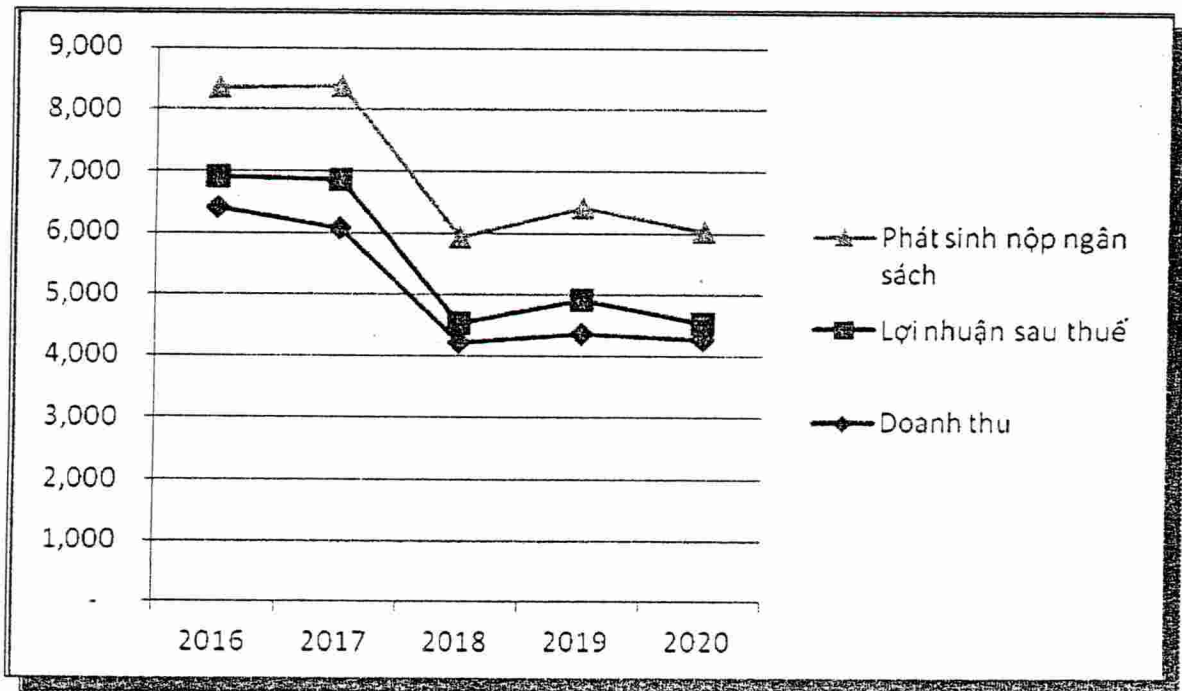
	Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng bình quân 2016-2020
Tổng lợi nhuận	497,2	812,8	311,7	551,1	273,3	-9,0%
<i>Trong đó:</i> <i>Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh</i>	360,2	275,5	239,3	252,5	273,3	-5,2%

- Phát sinh nộp ngân sách (tỷ đồng)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng bình quân 2016-2020
1.452	1.510	1.373	1.505	1.477	0,3%

- Tỷ suất lợi nhuận (%)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020
11,57%	21,09%	7,02%	13,35%	4,85%



Biểu đồ Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu của Tổ hợp Tổng công ty giai đoạn 2016-2020

b) Kế hoạch các chỉ tiêu của Công ty mẹ:

- Doanh thu (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

	Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng bình quân 2016-2020
Tổng doanh thu	1.828	2.330	1.848	2.173	1.986	1,7%
<i>Trong đó: Doanh thu từ sản xuất kinh doanh</i>	1.657	1.658	1.757	1.800	1.986	3,8%

- Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

	Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng bình quân 2016-2020
Tổng lợi nhuận	173,5	595,9	164,3	429,8	143,2	-3,5%
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh</i>	36,5	58,6	92,0	131,2	143,2	58,4%

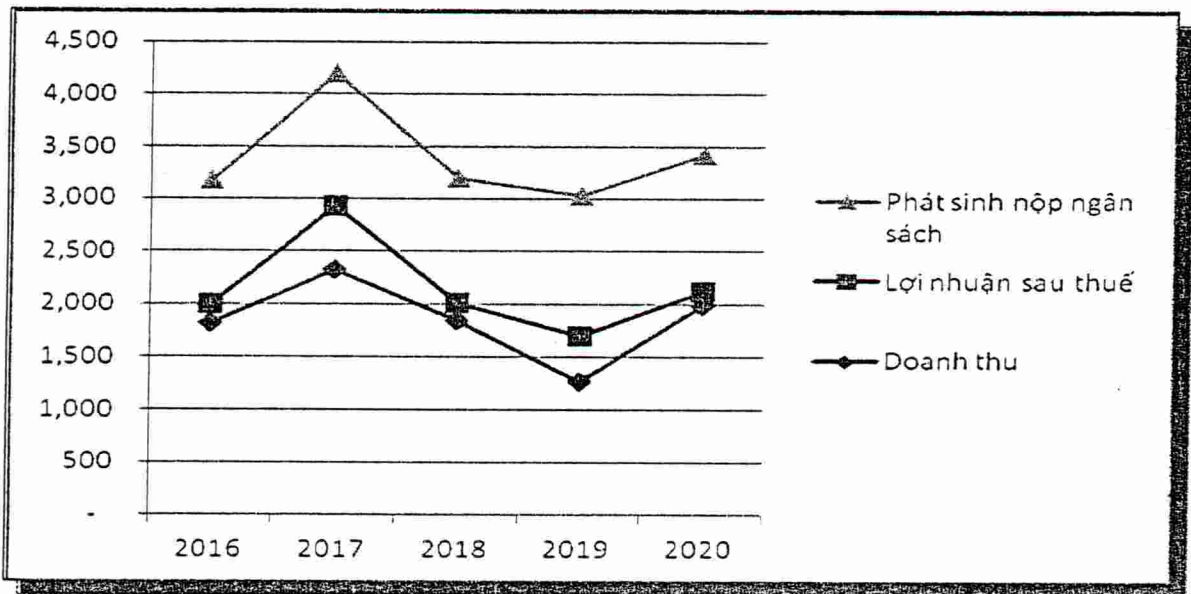
- Phát sinh nộp ngân sách (tỷ đồng)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng bình quân 2016-2020
1.169	1.273	1.185	1.322	1.290	2,1%

- Tỷ suất lợi nhuận (%)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020
8,49%	24,83%	5,94%	14,19%	3,71%

Biểu đồ Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty mẹ giai đoạn 2016-2020



c) Mục tiêu sản lượng sản phẩm chủ yếu

(chi tiết như phụ lục đính kèm)

d) Đánh giá chung

Giai đoạn 2016-2020 được xem là giai đoạn chuyên mình của toàn Tổng công ty với rất nhiều biến động khi việc thực hiện tái cơ cấu, tổ chức lại các đơn vị thành viên được xúc tiến mạnh mẽ. Điều này góp phần kiện toàn cơ cấu tổ chức nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng biến động từ nguồn thu về do hoạt động thoái vốn, sắp xếp lại các đơn vị thành viên trong khi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính không có nhiều biến động dẫn đến việc khó đánh giá chính xác được tốc độ tăng trưởng chung. Doanh thu và lợi nhuận của toàn Tổ hợp Tổng công ty nhìn chung biến động giảm do thực hiện thoái vốn, một số đơn vị khi được thoái vốn xuống dưới 50% sẽ trở thành công ty liên doanh liên kết, doanh thu và lợi nhuận được ghi nhận giảm. Tuy nhiên, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu tại Công ty mẹ vẫn đảm bảo được tốc độ tăng trưởng hàng năm với doanh thu có mức tăng bình quân 3,8%; lợi nhuận tăng mạnh 58,4% và phát sinh nộp ngân sách tăng bình quân 2,1%. Cụ thể:

+ Năm 2016 có lợi nhuận từ việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Việt-Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco, chiếm 78% lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ và chiếm 27% tổng lợi nhuận sau thuế của toàn Tổ hợp Tổng công ty.

+ Năm 2017, Tổng công ty sẽ xúc tiến việc thoái vốn tại một số đơn vị như Công ty TNHH Bochang Donatour, Công ty CP Lothamilk, Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn, Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai, Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai, Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai khiến doanh thu, lợi nhuận tăng đột biến do nguồn thu từ thoái vốn...đồng thời cũng tiến hành cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp và tiếp tục sắp xếp một số đơn vị thành viên trở thành công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long. Ước tính lợi nhuận thu từ thoái vốn sẽ chiếm 66% tổng lợi nhuận sau thuế của toàn Tổ hợp và chiếm 90% lợi nhuận Công ty mẹ.

+ Năm 2018, nguồn thu từ thoái vốn giảm xuống do chỉ tiến hành thoái vốn tại các đơn vị: Công ty CP Bao Bì Biên Hoà, Công ty CP VLXD & Chất đốt. Thời điểm này lợi nhuận thoái vốn ước chiếm 23% lợi nhuận toàn Tổ hợp và chiếm 44% lợi nhuận Công ty mẹ.

+ Năm 2019 sau đó sẽ là năm cuối cùng thực hiện tái cơ cấu tại các đơn vị thành viên, việc thoái vốn được tiếp tục đẩy mạnh với hàng loạt các đơn vị: Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long, Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp, Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn, Công ty CP XD&SXVLXD Biên Hoà, Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai. Do đó, doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn này lại có mức tăng cao đột biến. Ước tính phần thu về từ thoái vốn chiếm 54% lợi nhuận toàn Tổ hợp và chiếm 69% lợi nhuận Công ty mẹ.

2.2 Giai đoạn 2021-2025

a) *Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu của Tổng công ty*

- Doanh thu (*không bao gồm lợi tức chuyên về*)

ĐVT: tỷ đồng

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025	Tăng trưởng bình quân 2016-2025
6.407	4.267	4.888	2,9%	-4,7%

- Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025	Tăng trưởng bình quân 2016-2025
497,2	273,3	349,2	5,5%	-0,6%

- Nộp ngân sách (tỷ đồng)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025	Tăng trưởng bình quân 2016-2025
1.452	1.477	1.679	2,7%	3,1%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Nhà nước (%)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025
11,57%	4,85%	11,22%

- b) Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty mẹ

- Doanh thu (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025	Tăng trưởng bình quân 2016-2025
1.828	1.986	2.333	3,5%	5,5%

- Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi tức chuyển về)

ĐVT: tỷ đồng

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025	Tăng trưởng bình quân 2016-2025
173,5	143,2	184,3	5,7%	80,9%

- Nộp ngân sách (tỷ đồng)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025	Tăng trưởng bình quân 2016-2025
1.169	1.290	1.459	2,6%	5,0%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Nhà nước (%)

Ước thực hiện 2016	KH năm 2020	KH năm 2025
8,49%	3,71%	7,27%

c) Kế hoạch sản lượng sản phẩm chủ yếu

(chi tiết như phụ lục đính kèm)

d) Đánh giá chung

- Giai đoạn 2020-2025 có sự khác biệt rất lớn so với giai đoạn trước khi toàn bộ Tổ hợp Tổng công ty đã hoàn tất tái cơ cấu. Trong giai đoạn này, Công ty mẹ đã trở thành công ty cổ phần với dự báo sẽ có nhiều chuyển biến trong quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh. Lĩnh vực kinh doanh thuốc lá trở thành chủ đạo, mang lại tăng trưởng cho Tổng công ty. Doanh thu, lợi nhuận, phát sinh nộp ngân sách có mức tăng bình quân ổn định trong giai đoạn 2021-2025.

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ tiếp tục phát huy sản xuất kinh doanh với mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long giữ vai trò đầu tàu.

- Các công ty cổ phần khi đã được thoái vốn xuống dưới 50% trở thành đơn vị kinh doanh liên kết, mang lại nguồn thu tài chính cho Công ty mẹ.

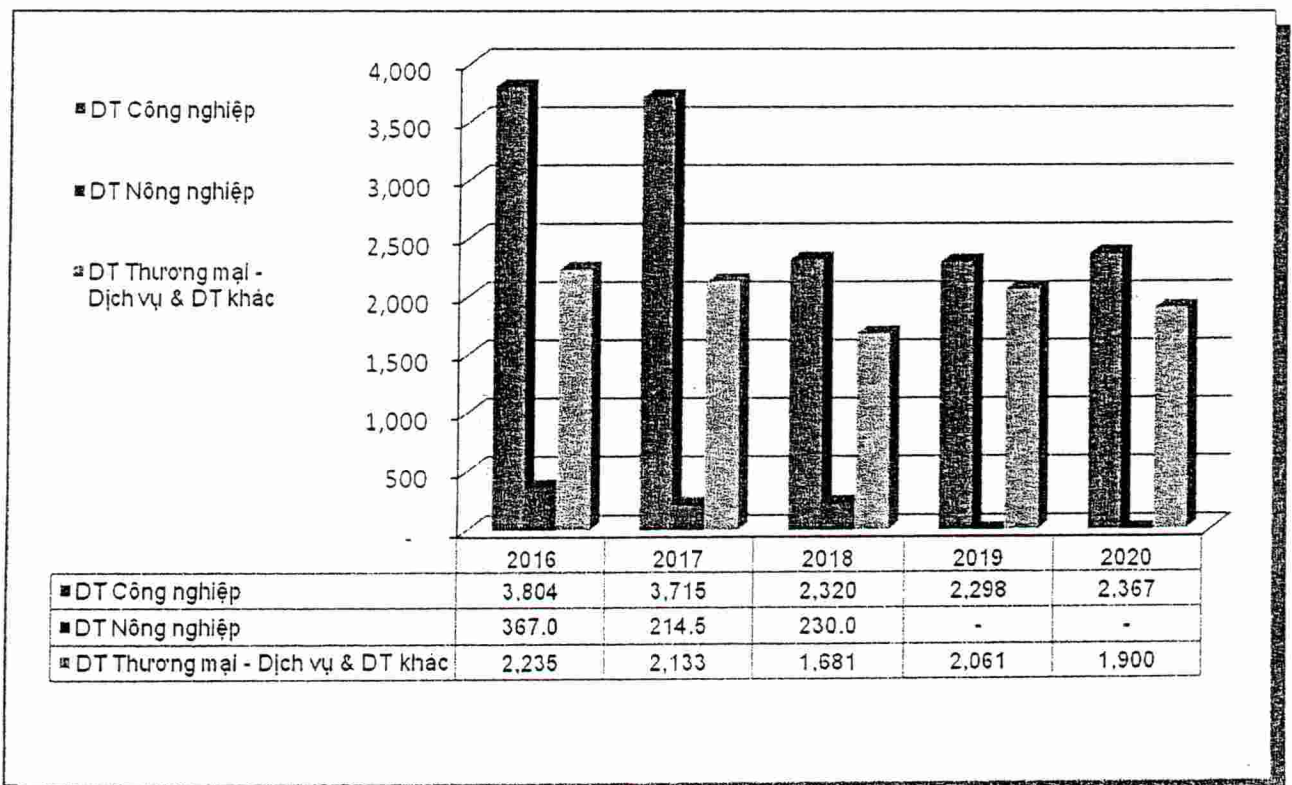
3. Kế hoạch triển khai cho từng giai đoạn

3.1 Kế hoạch tổng quát cho giai đoạn 2016-2020

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Với đặc thù của Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm, giai đoạn 5 năm 2016-2020, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tiếp tục mở rộng và tập trung đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Cơ cấu ngành của toàn Tổ hợp dịch chuyển theo xu hướng lấy công nghiệp làm trọng tâm. Thương mại dịch vụ là ngành mũi nhọn thứ hai với các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng khách sạn và kinh doanh mua bán (xăng dầu, xe gắn máy, phân bón...). Trong quá trình thoái vốn tại các đơn vị thành viên, biến động trong doanh thu, lợi nhuận là không thể tránh khỏi, tuy nhiên, Tổng công ty đã luôn nỗ lực giữ vững doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (sản xuất thuốc lá, bao bì, vật liệu xây dựng). Nông nghiệp trong tương lai vẫn sẽ hoạt động chủ yếu với hoạt động chăn nuôi. Do hai đơn vị Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn, Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai sẽ lần lượt thực hiện thoái vốn dưới 50% theo lộ trình tái cơ cấu đã được phê duyệt dẫn đến doanh thu nông nghiệp của toàn Tổ hợp không còn được ghi nhận.

Biểu đồ Doanh thu theo lĩnh vực của toàn Tổ hợp giai đoạn 2016-2020



• Sản xuất Công nghiệp

Được xem là mũi nhọn chính trong phát triển sản xuất – kinh doanh toàn Tô hợp; chiếm tỷ trọng cao nhất và là ngành nghề kinh doanh chiến lược với lĩnh vực ưu tiên hàng đầu là công nghiệp thực phẩm.

- Đối với Công ty Mẹ: Tập trung đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Mẹ là thuốc lá điếu. Trong điều kiện khó khăn, việc lấy lại thị phần kinh doanh thuốc lá nội địa là quan trọng và cấp thiết. Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường; trong đó chú trọng đến các sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường trung và cao cấp, phấn đấu từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm hàm lượng tar và nicotine trong khói thuốc lá theo quy định của Chính phủ. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết trong và ngoài nước để phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến.

- Đối với các công ty thành viên: Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của các đơn vị thành viên sản xuất công nghiệp. Mở rộng hoạt động liên doanh liên kết để hiện đại hoá công nghệ sản xuất. Kinh doanh sản phẩm công nghiệp cần chú trọng đúng mức đến thị trường nội địa bên cạnh việc nhân rộng mô hình chế biến sản phẩm công nghiệp xuất khẩu.

• Sản xuất Nông nghiệp

- Tiếp tục đầu tư phát triển nâng cao chất lượng đàn giống, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong chăn nuôi, cung cấp các sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Dự đoán sự biến động của thị trường nông sản, có kế hoạch hợp lý trong sản xuất, mua bán sản phẩm để đạt hiệu quả cao nhất.

- Kết hợp với đối tác chiến lược để sử dụng có hiệu quả quỹ đất tại các đơn vị.

• Thương mại dịch vụ - du lịch

- Hoạt động kinh doanh du lịch cần thiết được định hướng đi trước, đón đầu, vừa khai thác vừa mở rộng; đặc biệt cần quan tâm nâng cao chất lượng du lịch lữ hành, khai thác các tuyến điểm du lịch thể mạnh của Đồng Nai như du lịch sinh thái và các dịch vụ giải trí phục vụ người dân.

- Duy trì phát triển hệ thống các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh, nâng cấp chất lượng phục vụ.

- Tổng công ty phát huy vai trò trung tâm điều hành, liên kết các đơn vị thành viên Tổng công ty có cùng ngành nghề, cùng nhóm và giao nhiệm vụ cho Doanh nghiệp thành viên đại diện nhóm để mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ cùng nhau phát triển trong kinh doanh hàng hóa nông

sản, thực phẩm, kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn, du lịch hoặc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu...

- Hoạt động kinh doanh các mặt hàng có tính thiết yếu như xe máy, xăng dầu... cần phải được chú trọng tính linh hoạt trong áp dụng các hình thức khuyến mãi và điều chỉnh giá để nâng cao tính cạnh tranh khi khu vực tư nhân ngày càng phát triển mạnh.

• *Từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức của Tổng công ty*

- Tái cấu trúc về vốn tại các công ty thành viên, tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp trực thuộc có vốn Nhà nước 100% và thoái vốn Nhà nước tại các đơn vị cổ phần theo chủ trương của Chính phủ và lộ trình tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Quyết định số 3636/UBND-KT ngày 10/5/2016. Đặc biệt quan tâm đến việc lành mạnh hoá tài chính trước khi cổ phần, chú ý đến phương hướng và thực chất hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Kế hoạch đầu tư phát triển

Đến năm 2016, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư về máy móc thiết bị cho nhà máy sản xuất (nhà máy thuốc lá, nhà máy bao bì, máy móc khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng), hệ thống chuồng trại... nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, các dự án quan trọng Tổng công ty đang tiếp tục triển khai như:

• *Dự án Khu liên hợp công-nông nghiệp Agropark*

- Tại Phân khu 3A, xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc, đã đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, mương thoát nước, tổng chi phí đã thực hiện là 66,4 tỷ đồng, các hạng mục xử lý môi trường và công trình điện sẽ phối hợp triển khai với các nhà đầu tư thứ cấp.

- Các phân khu còn lại, đang hoàn tất các thủ tục về đầu tư và giải phóng mặt bằng

- Về thu hút đầu tư (Phân khu 3A)

+ Chăn nuôi: tỷ lệ cho thuê lại đất là 100%, gồm: Công ty cổ phần Nông sản Đồng Nai xây dựng trang trại chăn nuôi heo giống với quy mô đầu tư trên 200 tỷ đồng nhằm thực hiện chủ trương di dời các trang trại chăn nuôi ra xa khu dân cư. Hiện nay, các dự án này đã tham gia cung cấp heo giống cho các hộ dân trong khu vực.

+ Trồng trọt: Tổng công ty ký kết hợp tác toàn diện với Tập đoàn Vingroup, trong đó đơn vị thành viên là Vineco đã thuê đất để triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, theo hướng công nghệ cao, bao gồm các loại cây ăn lá, ăn quả và ăn củ được sản xuất trong điều kiện an toàn để cung cấp cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Về thu hút đầu tư (các Phân khu còn lại)

+ Lĩnh vực chăn nuôi bò sữa: Tổng công ty cũng đã thỏa thuận với Công ty cổ phần Domilk lập dự án đầu tư trang trại chăn nuôi bò sữa tại khu quy hoạch của dự án với quy mô đầu tư 100 tỷ đồng tại Phân khu 3B. Hiện tại đơn vị này đang quy hoạch mặt bằng tổng thể và tổ chức trồng cỏ. Dự kiến sau khi hình thành sẽ phát triển mô hình chăn nuôi bò sữa tại các nông hộ tại địa bàn huyện Xuân Lộc.

+ Lĩnh vực trồng trọt: Tổng công ty đang phối hợp với Tập đoàn Vingroup và một số đối tác khác để xúc tiến các dự án đầu tư xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, theo hướng công nghệ cao, trong đó phải kể đến dự án sản xuất chuối xuất khẩu, quy mô diện tích khoảng 90ha tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc.

- Kế hoạch thực hiện

+ Đối với các phân khu, như Trồng trọt và chăn nuôi tập trung (vị trí 3B) và Trồng trọt và chế biến thực phẩm (vị trí 3C):

- Tổng công ty sẽ tiến hành tự thỏa thuận với các hộ dân về các thửa đất liền kề để hình thành các khu đất không bị chia cắt, làm cơ sở triển khai sớm các chức năng quy hoạch;
- Thực hiện ngay mục tiêu phủ xanh các thửa đất do Tổng công ty quản lý bằng nguồn kinh phí quản lý dự án, có tác dụng chống sạt lở và thực hiện việc quản lý đất;
- Đề xuất phương án tối ưu về xác định quy mô diện tích nhằm thực hiện dự án Khu liên hợp bảo đảm mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp và hiệu quả kinh tế.

+ Đối với Phân khu nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao Thọ Vực (vị trí 3D):

- Việc thu hồi đất của các hộ nhận khoán sẽ thực hiện theo phương thức: vừa kêu gọi đầu tư vừa tiến hành hành thu hồi đất, nhằm tiết kiệm chi phí sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh hiện tượng tái lấn chiếm.
- Đến thời điểm tháng 8/2016, ngoài diện tích thu hồi được 23ha đã giao cho Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn triển khai xây dựng trang trại chăn nuôi heo, diện tích Khu 2 theo quy hoạch 95ha (trong Phân khu 3D của dự án), đã thu hồi khoảng 85ha, dự kiến đầu tư trồng chuối để xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, hiện nay sau thời gian hơn 1 năm vừa ươm giống theo hình thức cấy mô và vừa trồng thử nghiệm tại trại giống diện tích 3ha tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, loại chuối thích hợp cấy mô, nhà đầu tư Hàn Quốc phối hợp với Tổng công ty mở rộng quy mô trồng trong năm 2016 được hơn 10ha. Việc trồng chuối thành công ở giai đoạn này sẽ là tiền

đề cho việc phát triển và kêu gọi đầu tư vào sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao ở các vùng nông thôn huyện Xuân Lộc.

• *Dự án Khu du lịch và dân cư Bửu Long*

- Dự án khu dân cư đã được UBND tỉnh điều chỉnh sang chủ đầu tư khác là Công ty cổ phần kinh doanh nhà Đồng Nai (Công văn số 5001/UBND-ĐT ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai).

- Hiện tại, Tổng công ty đang xúc tiến việc điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch và dân cư Bửu Long tại thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, làm cơ sở cho việc lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi triển khai dự án.

- Phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để rà soát và lập phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó thống kê và phân loại số lượng hộ dân tái định cư.

- Hoàn tất các thủ tục có liên quan về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu du lịch Bửu Long hiện hữu diện tích khoảng 45,228ha.

- Đã hoàn tất việc bồi thường cho Trung tâm sát hạch lái xe Đồng Nai với số tiền 24.711.898.000đồng.

- Việc triển khai các dự án thuộc Khu du lịch và dân cư Bửu Long sẽ được tiến hành sau khi quy hoạch điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, Tổng công ty hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình UBND tỉnh và các cơ quan chức năng xem xét trong tháng 9/2016.

• *Dự án Tòa nhà văn phòng Dofico*

Sau thời gian xây dựng, Tòa nhà văn phòng Dofico đã hoàn tất và chính thức đưa vào sử dụng vào cuối tháng 10/2015 với quy mô 8 tầng cùng các hạng mục hiện đại phục vụ cho hoạt động của các phòng, ban của Công ty mẹ.

• *Dự án đầu tư dây chuyền sợi thuốc lá và máy ván điệu, đóng bao*

Với vai trò là ngành sản xuất kinh doanh nòng cốt tại Tổ hợp, công nghiệp thuốc lá luôn được quan tâm chú trọng. Với tình hình khốc liệt của thị trường thuốc lá như hiện nay, việc quan tâm đẩy mạnh đầu tư để tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng và có chất lượng cao thật sự rất cần thiết. Từ phân khúc bình dân (6.000 – 12.000đ/gói), mặt hàng thuốc lá sẽ tiếp tục hướng đến phân khúc thị trường trung và cao cấp (8.000-15.000đ/gói) dựa trên cải tiến các nhãn hàng truyền thống sẵn có song song với việc nghiên cứu sản phẩm mới. Dự kiến trong năm 2017, Công ty mẹ sẽ đầu tư dây chuyền sợi thuốc lá với kinh phí 180 tỷ đồng và tiếp tục đầu tư dàn máy ván điệu, đóng bao 60 tỷ đồng trong năm 2018.

3.2 Kế hoạch tổng quát cho giai đoạn 2021-2025

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Khi đã hoàn tất quá trình tái cơ cấu, bộ máy hoạt động của Toàn tổ hợp được tinh giản phù hợp để tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh mũi nhọn, chủ yếu ở lĩnh vực công nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh thuốc lá với mục tiêu trọng tâm là giữ vững thị phần. Tích cực nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường vốn đã được dự báo sẽ khốc liệt hơn trong tương lai khi các nỗ lực phòng chống tác hại thuốc lá trên cả nước ngày càng được nhân rộng. Thị trường xuất khẩu cần được quan tâm mở rộng hơn với các đối tác nước ngoài.

- Các mặt hàng đã gây dựng được thương hiệu trên thị trường như bao bì giấy, vật liệu xây dựng cần duy trì và nâng cao chất lượng để đảm bảo uy tín với khách hàng, đồng thời luôn tích cực mở rộng các kênh tiêu thụ để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Kinh doanh thương mại – dịch vụ trong điều kiện tư nhân hóa mạnh mẽ như hiện nay được dự báo cũng sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn. Việc nâng cao nguồn lực để tăng tính cạnh tranh cần được quan tâm chú trọng để phát triển bền vững. Hoạt động du lịch cần tiếp tục phát huy những lợi thế sẵn có về cảnh quan, có kế hoạch đầu tư lâu dài để thu hút khách tham quan. Các mặt hàng xăng dầu, xe gắn máy vốn có tính cạnh tranh cao, cần hoạt động linh hoạt hơn để giữ vững lượng khách hàng sẵn có, đồng thời xây dựng chiến lược chiêu thị, kích cầu để tăng lượng tiêu thụ. Mặt hàng nông sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thị trường, cần có sự phân tích và dự đoán chuẩn xác để giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, nguồn hàng cung cấp cũng cần được đảm bảo chất lượng ổn định với giá cả cạnh tranh.

b) Kế hoạch đầu tư phát triển

- Các dự án đầu tư trọng điểm của toàn Tổ hợp đều có kế hoạch hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020. Bước sang giai đoạn 2021-2025, dự kiến chỉ còn một số các đơn vị thực hiện đầu tư như Công ty cổ phần Bao bì Biên Hòa đầu tư nhà máy mới phục vụ sản xuất, Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai đầu tư thêm Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc và trại heo mới, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên dự kiến sẽ mở rộng khu dịch vụ Hội quán Trấn Biên...

4. Các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tài chính

- Tích cực mở rộng hình thức kêu gọi đầu tư liên doanh góp vốn cổ phần với các đối tác trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án có khả năng sinh lợi

thấp hoặc cần tiếp nhận công nghệ kỹ thuật cao như: các dự án phát triển du lịch và đầu tư vào công nghiệp thực phẩm, nông nghiệp chất lượng cao...

- Lập kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển, tập trung đầu tư cho các ngành sản xuất kinh doanh mũi nhọn.

b) Giải pháp về sản xuất

- Tích cực khai thác công suất của máy móc thiết bị để nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao tay nghề của người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nhằm đảm bảo cho tính đồng nhất cũng như chất lượng sản phẩm.

c) Giải pháp về marketing

- Trong điều kiện tính cạnh tranh được nâng cao, việc tìm kiếm mở rộng thị trường và quảng bá sản phẩm là hết sức cần thiết. Sản phẩm thuốc lá điều của Công ty mẹ hiện tại đã từng bước đều đặn có đơn đặt hàng xuất sang thị trường nước ngoài khi thị phần nội địa suy giảm rõ rệt.

- Công tác nghiên cứu thị trường cần thiết được đẩy mạnh hơn nữa để nắm rõ nhu cầu cũng như phân khúc thị trường, từ đó chú trọng đầu tư phát triển sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

d) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực

Không ngừng hoàn thiện hệ thống phân phối tiền lương, thu nhập, bảo đảm đúng với năng lực, trình độ và hiệu suất công tác của từng người; mạnh dạn có chế độ đãi ngộ tương xứng thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao; đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động; có chính sách ưu tiên tuyển chọn các đối tượng có đủ tiêu chuẩn là con, em cán bộ công nhân viên đã và đang làm việc ở Tổng công ty. Xây dựng chính sách khen thưởng để khuyến khích người lao động tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có biện pháp kiên quyết đối với những cán bộ công nhân viên thiếu ý thức học tập vươn lên để đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

- Về quy hoạch cán bộ

Phải xây dựng quy hoạch tổng thể về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chung. Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức để tạo nguồn cán bộ kế thừa cho Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên. Công tác cán bộ phải được thực hiện chu đáo, đánh giá đúng và thật sự trọng dụng nhân tài, cán bộ trẻ.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch, chương trình, kinh phí đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ... Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo bảo đảm mặt bằng chung về chuẩn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực hành nghề,

phẩm chất tư cách, đạo đức nghề nghiệp. Hàng năm, các cấp Ủy thực hiện đánh giá, nhận xét cán bộ đương nhiệm, dự bị để có kế hoạch tiếp tục đào tạo. Thực hiện nghiêm túc công tác đào tạo lại cán bộ chủ chốt đúng với chức năng nhiệm vụ được phân công.

e) Giải pháp về kỹ thuật - công nghệ

- Ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổ hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

- Triển khai đồng bộ phương tiện tin học hóa trong công tác kế toán, kế hoạch nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời thông tin cần thiết cho Lãnh đạo trong quản lý điều hành, tiến đến nối mạng chung từ các doanh nghiệp thành viên với Văn phòng Tổng công ty để có thông tin nhanh và xử lý kịp thời.

- Thường xuyên cập nhật và cải tiến nội dung website, từng bước nâng cao hình ảnh thương hiệu của Tổng công ty và sản phẩm, nhãn hiệu của các đơn vị trong Tổ hợp.

- Khuyến khích cán bộ, công nhân viên trong toàn bộ hợp Tổng công ty nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, cải tiến quy trình, công nghệ sản xuất một cách hiệu quả nhất; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao nhằm mục tiêu hiện đại hóa các dự án. Sử dụng chính sách khen thưởng phù hợp trong lĩnh vực này.

f) Giải pháp về quản lý và điều hành

- Tuỳ theo tình hình thực tế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn tổ hợp Tổng công ty mà bổ sung thêm các phòng ban chức năng cho phù hợp, nhằm phục vụ tốt nhất cho việc tham mưu công tác lãnh đạo, điều hành Tổng công ty.

- Xây dựng một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhưng năng động và hiệu quả.

- Nâng cao hiệu lực của việc sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý hành chính, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, phê duyệt tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên.

- Tăng cường quản lý các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở xây dựng quy chế hoạt động và xây dựng đội ngũ những người là đại diện vốn nhà nước đủ năng lực và số lượng để thực hiện việc quản lý hoạt động này. Lựa chọn hình thức quản lý phù hợp với phần vốn góp của Nhà nước tại từng đơn vị.

- Thực hiện chế độ khen thưởng và kỷ luật: Tổng công ty thực hiện việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và xem xét tinh thần phối hợp, thực hiện các hoạt động liên kết trong toàn Tổ hợp đối với từng đơn vị thành viên; trên cơ sở đó, xây dựng và ban hành một chính sách khen thưởng, kỷ luật cho phù hợp, nhằm đảm bảo công cụ khen thưởng và kỷ luật phát huy hiệu quả cao nhất.

Trên đây là một số nội dung chính về chiến lược sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2016-2025. Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai kính báo cáo UBND tỉnh, và các Sở, ngành liên quan xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp tỉnh;
- Chủ tịch HĐQT;
- Các thành viên HĐQT;
- Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;
- Các phòng: KTTC, KTNB, TVLK, DA;
- Lưu VT, KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Long



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC 1.2: BIỂU CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2025

TỔ HỢP TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

(kèm theo Văn bản số 1477/SKHĐT-KTN ngày 17/06/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)	Kế hoạch năm 2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 (%)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2025 (%)
I	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ							
A	Sản xuất công nghiệp							
1	Mặt hàng chủ yếu							
	Thuốc lá điếu	Triệu bao	356	440	4.7%	500	2.7%	8.1%
	Thịt heo, gà, t.phẩm chế biến	Tấn	524	629	4.0%	802	5.5%	10.6%
	Mù cao su RSS	Tấn	1,270	1,320	0.8%	1,320	0.0%	0.8%
	Đá xây dựng các loại	1000m3	6,031	6,062	0.1%	6,693	2.1%	2.2%
	Bao bì giấy các loại	Tấn	75,000	100,000	6.7%	150,000	10.0%	20.0%
	Gỗ dán các loại	m3	3,000	3,000	0.0%	3,300	2.0%	2.0%
	Quần áo gia công XK	1000sp	270	310	3.0%	370	3.9%	7.4%
	Sữa tươi các loại	Tấn	10,100	22,800	25.1%	35,600	11.2%	50.5%
2	Doanh thu công nghiệp	Tr.đ	3,804,875	2,367,218	-7.6%	2,723,434	3.0%	-5.7%
B	Sản xuất nông nghiệp							
1	Mặt hàng chủ yếu							
	Heo giống	Tấn	2,070	2,710	6.2%	3,463	5.6%	13.5%
	Heo thịt	Tấn	4,250	5,450	5.6%	6,922	5.4%	12.6%
2	Doanh thu nông nghiệp	Tr.đ	367,050	0	-20.0%	0		-20.0%
C	KD thương mại - dịch vụ							
1	Mặt hàng chủ yếu							
	Thương mại							
	Bắp hạt	Tấn	4,000	6,000	10.0%	7,000	3.3%	15.0%
	Mì lát	Tấn	5,300	8,000	10.2%	16,000	20.0%	40.4%
	Xăng dầu các loại	1000 lit	57,408	69,850	4.3%	68,672	-0.3%	3.9%
	Xe gắn máy	Chiếc	5,660	5,450	-0.7%	7,142	6.2%	5.2%
	Phân bón hoá học các loại	Tấn	32,000	39,500	4.7%	46,300	3.4%	8.9%
	Dịch vụ							
	Dịch vụ Du lịch	Tr.đ	139,799	172,250	4.6%	187,710	1.8%	6.9%
	Cho thuê kho, mặt bằng	Tr.đ	12,400	13,500	1.8%	13,200	-0.4%	1.3%
2	Doanh thu TM-DV & DT khác	Tr.đ	2,235,435	1,900,068	-3.0%	2,164,748	2.8%	-0.6%
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đ	6,407,359	4,267,286	-6.7%	4,888,181	2.9%	-4.7%
	Trong đó:							
	- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	6,236,054	4,267,286		4,888,181	2.9%	-4.3%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)	Kế hoạch năm 2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 (%)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2025 (%)
	- Doanh thu từ thoái vốn	Tr.đ	171,305	-		-		
III	LỢI NHUẬN							
A	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	617,160	340,092	-9.0%	435,133	5.6%	-5.9%
	Trong đó:							
	- Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	445,855	340,092		435,133	5.6%	-0.5%
	- Lợi nhuận từ thoái vốn	Tr.đ	171,305	-		-		
B	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	497,292	273,380	-9.0%	349,217	5.5%	-6.0%
	Trong đó:							
	- Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	360,248	273,380		349,217	5.5%	-0.6%
	- Lợi nhuận từ thoái vốn	Tr.đ	137,044	-		-		
*	Lợi nhuận sau thuế ứng vốn Nhà nước	Tr.đ	400,262	192,203		255,209		-7.2%
VI	VỐN NHÀ NƯỚC BÌNH QUÂN TẠI DOANH NGHIỆP	Tr.đ	3,458,940	3,960,359		2,275,000		-6.8%
V	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VỐN NN	%	11.57%	4.85%		11.22%		
VI	CÁC KHOẢN PHÁT SINH NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1,452,681	1,477,911	0.3%	1,679,115	2.7%	3.1%
VII	THỰC NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1,717,470	1,477,896	-2.8%	1,679,081	2.7%	-0.4%
VIII	ĐẦU TƯ XDCB	"	514,001	646,394	5.2%	497,000	-4.6%	-0.7%
IX	KIM NGẠCH XNK	1000 USD	52,186	64,840	4.8%	81,790	5.2%	11.3%
A	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	1000 USD	15,481	19,660	5.4%	27,700	8.2%	15.8%
B	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	1000 USD	36,706	45,180	4.6%	54,090	3.9%	9.5%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)	Kế hoạch năm 2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 (%)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2025 (%)
IV	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VỐN NN	%	8.49%	3.71%		7.27%		
V	CÁC KHOẢN PHÁT SINH NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1,169,764	1,290,346	2.1%	1,459,691	2.6%	5.0%
VI	THỰC NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1,441,620	1,290,331	-2.1%	1,459,691	2.6%	0.3%
VII	ĐẦU TƯ XDCB	"	350,610	614,394	15.0%	487,000	-4.1%	7.8%
VIII	KIM NGẠCH XNK	1000 USD	16,076	19,000	3.6%	25,000	6.3%	11.1%
A	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	1000 USD	6,851	7,500	1.9%	10,000	6.7%	9.2%
B	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	1000 USD	9,226	11,500	4.9%	15,000	6.1%	12.5%

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC 1.3: DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2025
(kèm theo Văn bản số 1477/SKHĐT-KTN ngày 17/06/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Khởi công - hoàn thành	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)			
							Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	Khác
I	Các dự án đầu tư									
I.1	Dự án đang thực hiện						2,733.0	2,101.8	624.7	6.5
1	Đầu tư bổ sung một số thiết bị để nâng cấp công suất sản xuất bao bì Offset và bao bì Carton của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa năm 2015	C	SOVI	Biên Hòa Bình Dương	2015 - 2016	10,000	58.0	17.4	40.6	
2	Công viên vườn tượng danh nhân (VMTB)	C	TT.VMTB	TT.VMTB	2014 - 2016		6.5			6.5
3	Dự án Khu liên hợp công-nông nghiệp Agropark	A	Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Xuân Lộc - Đồng Nai			632.5	597.8	34.7	
4	Dự án Khu du lịch và dân cư Bửu Long	B	Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Biên Hoà - Đồng Nai			413.8	413.8		
5	Xây dựng trại heo nái sinh sản	B	Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn	Huyện Xuân Lộc	2015 - 2018	4.800 nái	120.0	120.0		
6	Dự án cao su	C	CÔNG ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp	Xuân Lộc - Đồng Nai	2014 - 2022	150 ha	71.1	71.1		
7	Mở rộng nhà hàng Du Long 1	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			3.0	3.0		
8	Sửa chữa 7 căn khách sạn	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			1.0	1.0		
9	Nâng công suất máy lạnh nhà hàng	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			2.0	2.0		



TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Khởi công - hoàn thành	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)			
							Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	Khác
10	Văn phòng làm việc	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			2.0	2.0		
I.2	Dự án đầu tư mới						711.6	436.9	274.7	0.0
1	Máy xay	C	BBCC	Đồng Nai		350 tấn/giờ	16.7	5.0	11.7	
2	10 xe tải ben 15 tấn, mới 100%	B	BBCC	Đồng Nai		15 tấn	84.4	3.7	80.7	
3	Băng chuyền tải đá	C	BBCC	Đồng Nai		500 m3/giờ	13.0	3.9	9.1	
4	Máy chế biến cát	C	BBCC	Đồng Nai		400,000 tấn/năm	13.0	3.9	9.1	
5	3 máy đào	C	BBCC	Đồng Nai			6.0	1.8	4.2	
6	5 xe xúc	B	BBCC	Đồng Nai			30.0	9.0	21.0	
7	Xây dựng trại heo thịt - cai sữa	B	Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn	Huyện Xuân Lộc	2017 - 2020	10.000 heo thịt 12.000 cai sữa 4.000 heo hậu bị	137.0	41.1	95.9	
8	Dây chuyền sợi	B	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Biên Hoà - Đồng Nai	2016 - 2017		180.0	180.0		
9	Dây chuyền vắn bao	C	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Biên Hoà - Đồng Nai	2018 - 2019		60.0	60.0		
10	Đầu tư bổ sung một số thiết bị để nâng cấp công suất sản xuất bao bì Offset và bao bì Carton của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa năm 2016	C	SOVI	Biên Hòa Bình Dương	2016 - 2017	15,000	61.5	18.5	43.1	
11	Trại heo Dolico Tân An 3	B	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	Vĩnh Cửu - Đồng Nai	2017 - 2019	2.400 nái	95.0	95.0		
12	Các trò chơi ngoài trời	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			15.0	15.0		
II	Dự án chuẩn bị đầu tư						1,843.2	896.7	617.2	329.2
1	Công viên nước tự nhiên	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			35.0	35.0		
2	Xây mới 10 phòng khách sạn song lập	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			12.0	12.0		
3	Đền bù, giải tỏa các hộ dân ven Hồ Long Văn trên đường Nguyễn Đình Chiểu	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			35.0	35.0		
4	Trò chơi trong nhà kết hợp khu nông trại vui vẻ	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			15.0	15.0		

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Khởi công - hoàn thành	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)			
							Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	Khác
5	Mua lại khu sùng sơn, đầu tư sân tập golf và các dịch vụ	C	Cty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long	KDL Bửu Long			15.0	15.0		
6	XD 3 cửa hàng xăng dầu	C	Cty CP VLXD và chất đốt ĐN	Tỉnh Đồng Nai			30.0	10.0	20.0	
7	Cải tạo, nâng cấp khách sạn Hòa Bình	B	Cty CP Du Lịch Đồng Nai	Số 6, Võ Thị Sáu, Quyết Thắng, BH-ĐN			170.0	36.0	39.0	95.0
8	Nhà xưởng sản xuất sữa	B	Công ty cổ phần Lothamilk	Long Thành - Đồng Nai	2017	25.500 tấn/năm	250.0	150.0	100.0	
9	Đầu tư dây chuyền công nghệ SX bao bì Carton mới cho nhà máy Bình Dương với công suất 20.000 tấn/năm	B	SOVI	Mỹ Phước, Bình Dương	2018 - 2019	20,000	100.0	30.0	70.0	
10	Đầu tư mới nhà máy sản xuất bao bì giấy carton với công suất 30.000 tấn/năm	B	SOVI	Khu vực Đông Nam bộ	2020 - 2021	30,000	400.0	80.0	200.0	120.0
11	Đầu tư mới 1 nhà máy sản xuất bao bì offset với công suất 10,000 tấn/năm	B	SOVI	Mỹ Phước, Bình Dương	2023 - 2024	10,000	150.0			
12	Đầu tư mới 1 nhà máy sản xuất sản phẩm từ giấy công suất 10,000 tấn/năm	B	SOVI	Biên Hòa	2023 - 2024	10,000	100.0	50.0	120.0	80.0
13	Nhà điều hành Trung tâm Văn miếu Trấn Biên (Văn miếu)	C	TT.VMTB	TT.VMTB	2017 - 2018		9.0			9.0
14	Cải tạo nâng cấp cụm Dịch vụ Hội quán Trấn Biên (Hội quán Trấn Biên)	C	TT.VMTB	TT.VMTB	2019 - 2020		3.0	3.0		
15	Mở rộng khu vực dịch vụ Hội quán Trấn Biên (tổ chức tiệc Hội nghị ngoài trời và Công viên vui chơi giải trí (Hội quán Trấn Biên)	C	TT.VMTB	TT.VMTB	2023 - 2025		7.0	7.0		
16	Trại heo Dolico Xuân Thành 2	B	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	Xuân Thành - Xuân Lộc - Đồng Nai	2020 - 2022	2.400 nái	95.0	95.0		
17	Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc	C	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	KCN Dầu Giấy - Xuân Lộc - Đồng Nai	2023 - 2025	240.000 tấn/năm	60.0	60.0		
18	Dây chuyền sợi thuốc lá	B	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Biên Hoà - Đồng Nai	2016 - 2017		180.0	180.0		
19	Dây chuyền máy vắn đóng bao	C	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Biên Hoà - Đồng Nai	2018 - 2019		60.0	60.0		



TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Khởi công - hoàn thành	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)			
							Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay	Khác
20	Nhà máy phân bón	C	Cty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	Xã Quang Trung huyện Thống Nhất	Quý II/2017 - Quý IV/2017	8.000 tấn PB hữu cơ + phân NPK	20.0	14.3		5.7
21	Khu dân cư (kinh doanh nhà ở)	B	Cty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai+ Sonadezi An Bình+ Quỹ Đầu tư PT Đồng Nai	KP.Long Diêm, P.Long Bình Tân, Biên Hòa	Quý II/2017 - Quý IV/2020	18 360 m2 sàn xây dựng	97.2	9.5	68.2	19.5